

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 06 – 3 – 2024
V/v tranh chấp ranh giới Quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Minh Tân
- Ông Trần Văn Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 28/02/2024 và ngày 06/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồng Thị Thu D, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp An Hòa Nh, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: 1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Quốc lộ 80, Khóm 1, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện tại: Số 55/5 Bình Quới, Phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Văn D. sinh năm 1962 (Có mặt).

3. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1964 (Có mặt).

4. Bà Trần Thị Th (chết)

Địa chỉ: Ấp An Hòa Nh, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho bà Trần Thị Th gồm:

1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1953 (Có mặt).

Chỗ ở hiện tại: Số 55/5 Bình Quới, Phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1951 (Vắng mặt).

3. Ông Trần Văn D. sinh năm 1962 (Có mặt).

4. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1964 (Có mặt).

5. Ông Trần Văn B, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp An Hòa Nh, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp An Hòa Nh, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hồng Thị Thu D trình bày:

Trước đây vào năm 2013 chị D có nhận chuyển nhượng (thửa 232 và thửa 248) từ anh Đặng Hữu Thanh V, hiện là thửa đất 488, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.766m² và chị D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc nhận chuyển nhượng đất thì đã có các trụ đá do chủ đất cũ cắm, hiện nay vẫn còn. Phần đất của chị D giáp với các thửa đất gồm thửa 456 của ông Trần Văn L; Thửa 461 của ông Trần Văn D; Thửa 459 của bà Trần Thị Th và thửa 458 của bà Trần Thị Th.

Do nhận chuyển nhượng trọn thửa, chỉ thực hiện việc sang tên trên mặt giấy tờ, không có đo đạc thực tế diện tích bao nhiêu nên chị D không biết chính xác diện tích thực tế mà anh Vũ chuyển nhượng cho chị có đủ như diện tích cấp giấy hay không nhưng lúc đầu chỉ nghe anh Vũ nói đầu ngoài kéo vô đầu trong là thẳng.

Lúc chị D mua đất của anh Vũ hiện trạng là đất hầm, sau đó chị D bơm cát một phần phía trước để xây nhà không dính vào vị trí ranh đất đang tranh chấp, còn phía sau vẫn hiện trạng cũ là đất hầm.

Chị D xác định mấy trụ đá dùng xác định ranh đất các bên tại thời điểm lúc chị D nhận chuyển nhượng đất từ anh Vũ đã có và hiện nay vẫn còn. Chị D thống nhất trụ đá đầu ngoài giáp thửa đất ông L (vị trí mốc 1) đến cuối phần đất giáp thửa bà Th vị trí (mốc 11). Còn các trụ đá giữa thì trong quá trình sử dụng các trụ

đá có bị nghiêng qua đất chị D được ông D nhô lên rồi sau có trồng lại ngay vị trí cũ cho thẳng đứng, không sai lệch vị trí.

Nay chị Hồng Thị Thu D yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa 488 của chị D với các thửa đất xung quanh gồm: Thửa 456 của ông Trần Văn L; Thửa 461 của ông Trần Văn D; Thửa 459 của bà Trần Thị Th và thửa 458 của bà Trần Thị Th.

Theo các mốc như sau: Giáp với thửa 456 của ông Trần Văn L là mốc 1 – 4; Giáp với thửa 461 của ông Trần Văn D là mốc 4 – 5 ; Giáp với thửa 459 của bà Trần Thị Th là mốc 5 – 8 và giáp với thửa 458 của bà Trần Thị Th là từ mốc 8 – 9 – 11.

Còn vị trí từ mốc 1 – 2 – 27 – 26 – 1 chị D không tranh chấp.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện chị D đang giữ, không có cầm cố, thế chấp cho ai. Chị D đồng ý di dời tài sản, vật kiến trúc trên đất nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị.

Bị đơn ông Trần Văn L trình bày:

Vào năm 2010 cụ Huỳnh Thị T tặng cho quyền sử dụng đất cho các con, trong đó ông Trần Văn L được chia diện tích 1.018m², thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 27, lúc tách thửa thì có đo đạc diện tích cụ thể cho từng người.

Việc chị D cho rằng ông L lấn ranh và yêu cầu xác định ranh đất là không đúng vì:

Chị D không có chứng cứ chứng minh là ông L lấn ranh.

Các trụ đá dùng xác định ranh đất mà thời điểm chị D nhận chuyển nhượng đất từ anh Vũ hiện vẫn còn không thay đổi.

Đất chị D là đất hằm, còn đất ông L là đất ruộng cao hơn nên không có việc lấn ranh đất của chị D.

Lúc đầu ông L xác định vị trí ranh đất giữa thửa đất của ông với thửa đất của chị D là từ mốc 2 (vị trí cây xoài) đến mốc 3. Tuy nhiên tại phiên tòa ông L xác định lại là ông đồng ý xác định ranh đất là từ vị trí mốc 1 (trụ đá) đến mốc 3 theo sơ đồ đo đạc. Hiện giấy chứng nhận của ông L không có cầm cố, thế chấp cho ai. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông D cũng thống nhất theo lời trình bày của ông L vào năm 2010 cụ Huỳnh Thị T tặng cho quyền sử dụng đất cho các con, trong đó ông Trần Văn D được chia diện tích 1.439m², thuộc thửa 461, tờ bản đồ số 27, lúc tách thửa có đo đạc diện tích cụ thể cho từng người.

Ông D cũng không đồng ý việc chị D cho rằng ông D lấn ranh vì:

Các trụ đá mà thời điểm chị D nhận chuyển nhượng đất từ anh Vũ hiện vẫn còn không thay đổi. Đất chị D là đất hàm, còn đất ông D là đất ruộng cao hơn nên không có việc lấn ranh đất của chị D.

Trước đây chị D có hỏi ông D xây nhò qua đất ông D mấy cục gạch để tán cát không cho tràn ra ngoài, nay chị D lại cho rằng ông lấn đất.

Nay ông D xác định ranh giữa đất ông D với đất chị D là từ mốc 3 – 6 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/12/2023.

Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông D đang giữ không có cầm cố, thế chấp cho ai. Đối với mấy cục gạch của chị D, nếu Tòa án xác định ranh đất theo như ông D thì chị D phải có trách nhiệm tự di dời ra khỏi phần đất của ông. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Trần Thị Th trình bày:

Bà Thương xác định vào năm 2010 cụ Huỳnh Thị T có tặng cho bà Trần Thị Th diện tích 1.012m², thuộc thửa 459, tờ bản đồ số 27, lúc tách thửa có đo đạc diện tích cụ thể.

Thửa đất 459 bà Thương đã thỏa thuận chuyển nhượng cho anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1978 với giá 606.000.000 đồng, anh Hùng đã đưa trước 506.000.000 đồng nhưng chưa sang tên được vì chị D đang yêu cầu xác định ranh đất. Giấy chứng nhận anh Hùng đang giữ nhưng trách nhiệm xác định ranh đất là do bà Thương xác định với chị D.

Nên nay bà Thương xác định ranh đất giữa thửa đất bà Thương với đất chị D là từ mốc 6 – 7 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/12/2023.

Đối với việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa bà Thương với anh Hùng thì không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho bà Trần Thị Th gồm ông Trần Văn L, ông Trần Văn D, bà Trần Thị Th trình bày:

Bà Trần Thị Th khi còn sống được cụ Tánh chia diện tích 1.011m², thuộc thửa 458, tờ bản đồ số 27, lúc tách thửa thì có đo đạc diện tích cụ thể.

Nay ông Trần Văn L, ông Trần Văn D đồng ý để bà Trần Thị Th hiện đang quản lý phần đất của bà Th xác định ranh đất với thửa đất của chị D là từ mốc 7 – 10 – 11 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/12/2023. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 458 thì bà Thương đang giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồng Thị Thu D và xác định ranh giữa các thửa đất cụ thể như sau:

- Thửa 488 của chị D với Thửa 456 của ông Trần Văn L là mốc 1 – 3;
 - Thửa 488 của chị D với Thửa 461 của ông Trần Văn D là mốc 3 – 6;
 - Thửa 488 của chị D với Thửa 459 của bà Trần Thị Th là mốc 6 – 7;
 - Thửa 488 của chị D với Thửa 458 của bà Trần Thị Th là từ mốc 7 – 10 – 11.
- Chi phí tố tụng và án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện chị Hồng Thị Thu D yêu cầu Tòa án xác định ranh giữa thửa đất 488 của chị D với các thửa đất xung quanh gồm: Thửa 456 của ông Trần Văn L, thửa 461 của ông Trần Văn D, thửa 459 của bà Trần Thị Th và thửa 458 của bà Trần Thị Th. Do đó Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất theo **khoản 9** Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Hiện các thửa đất đều tọa lạc ấp An Hòa Nh, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền.

1.3 Đối với ông Trần Văn Ph, ông Trần Văn B và anh Nguyễn Việt H có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

1.4 Đối với anh Đặng Hữu Thanh V là người trực tiếp chuyển nhượng thửa đất cho chị D. Mặc dù Tòa án đã triệu tập anh Vũ đến Tòa án để cung cấp lời khai liên quan nội dung khởi kiện của chị D nhưng anh Vũ không đến. Đồng thời theo như chị D trình bày thì chị D đã nhiều lần liên lạc với anh Vũ để yêu cầu anh Vũ cung cấp lời khai nhưng anh Vũ từ chối. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 và Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự dựa vào các tài liệu thu thập được và lời khai các bên để giải quyết vụ án, không cần thiết phải thu thập thêm lời khai của anh Vũ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của chị Hồng Thị Thu D, Hội đồng xét thấy như sau:

Lý do chị D yêu cầu Tòa án xác định ranh đất vì chị D cho rằng lúc nhận chuyển nhượng từ anh Vũ thì nghe anh Vũ nói là trụ đầu ngoài (Mốc 1) đến đầu

trong (Mốc 11) kéo thẳng. Sau này chị D kéo dây không thẳng nên mới yêu cầu Tòa án xác định ranh đất. Còn ông L, ông D, bà Thương thì cho rằng ranh đất là các trụ đá đã xác định từ trước nên không đồng ý theo yêu cầu của chị D nên các bên phát sinh tranh chấp.

Do đó để xác định ranh đất giữa các bên thì cần xem xét trong quá trình quản lý, sử dụng đất các chủ đất đã có trồng trụ đá trước để làm ranh chưa? Hiện trụ ranh còn không và có bị sai lệch vị trí không? Trong quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Sáu qua anh Vũ, từ anh Vũ qua chị D và từ cụ Tánh tách quyền sử dụng đất cho các con có đo đạc thực tế không? Có chủ đất giáp ranh ký tên để xác định ranh đất không? Đó là những vấn đề cần làm rõ để làm cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự.

Các đương sự đều xác định tại vị trí tranh chấp giữa các thửa đất có các trụ đá tương ứng theo các mốc 1 – 3 – 6 – 7 – 10 – 11 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện Châu Thành. Trong đó mốc 1 và mốc 11 thì các đương sự thống nhất. Còn diện tích trong phạm vi mốc 1 – 2 – 27 – 26 – 1 thì chị D và ông L không yêu cầu xem xét.

Về nguồn gốc đất: Thửa 488 (hiện chị D đứng tên và quản lý) trước đây là của ông Lê Văn Sáu được hợp lại từ thửa 232 và thửa 248, tờ bản đồ số 27. Ngày 22/7/2011 ông Sáu chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho anh Vũ. Đến ngày 15/3/2013 anh Vũ chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất cho chị D, lúc chuyển nhượng không có đo đạc thực tế.

Nguồn gốc thửa 456, 458, 459, 461 của ông L, ông D, bà Thương, bà Th là của cụ Huỳnh Thị T tặng cho con vào ngày 21 và 22/7/2010. Lúc tách thửa có đo đạc thực tế và trong biên bản đo đạc thực địa xác định ranh giới và cắm trụ mốc ranh đất có ông Lê Văn Sáu là chủ đất cũ của thửa 488 đã ký giáp ranh.

Theo diện tích đo đạc thực tế thì có thửa đất thừa và thửa đất thiếu diện tích so với giấy chứng nhận được cấp. Tuy nhiên chị D cũng không có cơ sở nào khẳng định diện tích đất của mình thiếu so giấy chứng nhận là do phía ông L, ông D, bà Thương, bà Th lấn ranh đất vì thời điểm chị D nhận chuyển nhượng thửa đất 232 và thửa 248 (nay là thửa 488) là thời điểm sau khi cụ Tánh tách quyền sử dụng đất cho ông L, ông D, bà Thương, bà Th và khi chị D nhận chuyển nhượng trọn thửa đất từ anh Vũ cũng không có đo đạc nên thực tế chị D không biết chính xác diện tích mà mình nhận chuyển nhượng từ anh Vũ có đủ diện tích như giấy chứng nhận đã cấp hay không, trong khi cụ Tánh tách quyền sử dụng cho các con đều có đo đạc thực tế.

Chị D cho rằng lúc nhận chuyển nhượng từ anh Vũ thì nghe anh Vũ nói là trụ đầu ngoài (Mốc 1) đến đầu trong (Mốc 11) là kéo thẳng nhưng thực tế tại thời điểm chuyển nhượng thì chị D lại không cho ông L, ông D, bà

Thương, bà Th là những người có đất giáp ranh biết để xem họ có thống nhất như lời anh Vũ nói không.

Trong khi chị D xác định lúc nhận chuyển nhượng từ anh Vũ thì đã có các trụ đá và hiện các trụ đá này vẫn còn, không thay đổi. Trong đó trụ đá ngay mốc 1, mốc 7 và mốc 11 là do ông Sáu và anh Vũ cắm lúc ông Sáu chuyển nhượng đất cho anh Vũ hiện vẫn còn. Các trụ đá còn lại ngay vị trí mốc 3, mốc 6, mốc 10 khi cụ Tánh tách quyền sử dụng cho các con, lúc đo đạc đã cắm trụ đá ranh, có ông Sáu là người chủ đất giáp ranh lúc bấy giờ đã ký tên vào biên bản xác định ranh đất nên xem như chủ đất cũ thửa 488 đã thống nhất ranh đất với các thửa đất xung quanh.

Theo chị D trình bày thì trong quá trình sử dụng đất, mặc dù các trụ đá giữa ngay vị trí các mốc 3 – 6 – 7 – 10 có bị nghiêng qua phần đất chị, sau đó được ông D nhổ lên nhưng ông D cũng trồng lại ngay vị trí cũ cho thẳng đứng, không có xô dịch.

Do đó việc chị Hồng Thị Thu D xác định ranh giữa các thửa đất từ mốc 1 – 4 – 5 – 8 – 9 – 11 là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nội dung phân tích trên nên Hội đồng xét xử xác định ranh giữa các thửa đất đã được xác định từ trước là các trụ đá tương ứng theo các mốc 1 – 3 – 6 – 7 – 10 – 11 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/12/2023 và sơ đồ ngày 28/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

[2.2] *Chi phí tố tụng*: Chi phí thẩm định, định giá tài sản, đo đạc tổng cộng là 12.805.260 đồng. Do yêu cầu của chị Hồng Thị Thu D không được chấp nhận nên chị D phải chịu toàn bộ chi phí trên và chị D đã chi xong.

[2.3] *Về án phí*: Chị Hồng Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồng Thị Thu D.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 488 của chị D với thửa 456 của ông Trần Văn L là các đoạn thẳng, được nối qua các mốc 1 – 3;

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 488 của chị D với thửa 461 của ông Trần Văn D là các đoạn thẳng, được nối qua các mốc 3 – 6;

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 488 của chị D với thửa 459 của bà Trần Thị Th là các đoạn thẳng, được nối qua các mốc 6 – 7;

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 488 của chị D với thửa 458 của bà Trần Thị Th là các đoạn thẳng, được nối qua các mốc 7 – 10 – 11.

(Thửa đất 488, thửa 456, thửa 461, 458, 459 cùng tờ bản đồ số 27, đất chuyên trồng lúa, tọa lạc ấp An Hòa Nh, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 18/12/2023, sơ đồ ngày 28/02/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vào các ngày 19/4/2023 và ngày 27/9/2023).

Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ lòng đất đến không gian, phân tài sản bên nào lấn chiếm qua phân đất người khác thì phải có trách nhiệm tự di dời.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản, đo đạc tổng cộng là 12.805.260 đồng. Do yêu cầu của chị D không được chấp nhận nên chị D phải chịu toàn bộ chi phí trên và chị D đã chi xong.

3. Về án phí: Chị Hồng Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu số 0017278 ngày 01/3/2023 và biên lai số 0005660 ngày 21/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị D được nhận lại 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Văn Bình